

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 12 - 3 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

* **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989 tại xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh B; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Thôn Tân Lập, xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh B; nghề N: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh 1962 và bà Giáp Thị H, sinh năm 1963; có vợ là Tạ Thị T, sinh năm 1993 và 03 con (con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2018).

- Tiền án: Bản án số 111/2019/HS-ST ngày 24/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2019.

- Tiền sự: Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC ngày 01/02/2019, Công an huyện Yên Dũng, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 12/02/2019.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* **Người bị hại:**

1. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Tạ Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

* **Người làm chứng:** Anh Trương Công T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn N đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Sáng ngày 08/02/2020, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B1 - 360.43 từ nhà mang theo dụng cụ đi bắt cua. Đến trưa N mang cua bắt được lên chợ Thương, thành phố B bán được 160.000 đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đi đến khu vực xã T, huyện L để tìm chỗ bắt cua, khi từ Quốc lộ 1A rẽ vào đường bê tông thuộc địa phận thôn V, xã T, huyện L thì phát hiện 01 xe máy điện của bà Trần Thị Nh, sinh năm 1967 và 01 xe đạp điện của bà Trần Thị T, sinh năm 1965 đều ở thôn H, xã X, huyện L đều đang dừng ở rìa đường, quan sát không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy trong 02 xe. N dừng lại, đi đến chỗ xe máy điện dùng tay cây nắp ở khu vực để chân, tháo bộ bình ắc quy ra và đặt xuống đất. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi đến chiếc xe đạp điện dùng tay lật yên xe lên, tháo bộ bình ắc quy bên trong rồi xách ra xe mô tô đặt lên giá và chuẩn bị quay lại lấy bình ắc quy xe máy điện. Đúng lúc này, anh Trương Công T, sinh năm 1972 ở thôn V, xã T, huyện L đi qua phát hiện bắt quả tang và báo cơ quan Công an. Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã đến hiện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ:

- 01 xe mô tô Wave S, biển kiểm soát 98B1 - 360.43;
- 01 điện thoại ITEL;
- 01 xô nhựa màu đỏ, 01 móc cua bằng kim loại;
- 01 xe máy điện màu đỏ đen; 01 bộ bình ắc quy xe máy điện, trong có 04 bình ắc quy hiệu Narada, ký hiệu 6-DZF-12;
- 01 xe đạp điện Yamaha 133 màu đỏ đen; 01 bộ bình ắc quy của xe đạp điện, trong có 04 bình ắc quy.

Tại kết luận định giá tài sản số 08 ngày 11/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 bộ bình ắc quy của xe máy điện có giá 500.000 đồng; 01 bộ bình ắc quy xe đạp điện có giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 700.000 đồng.

Ngày 12/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện L đã trả lại tài sản cho bà Trần Thị Nh và bà Trần Thị T. Đến nay, bà Nh và bà T không yêu cầu gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, Công an huyện L bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSND ngày 26 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a,b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã nêu.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau:

- Bà Trần Thị Nh trình bày: Khoảng 14 giờ chiều ngày 08/02/2020 bà đi xe máy điện đến thôn V, xã T, huyện L để vớt bèo thì bị lấy trộm mất 01 bộ bình ắc quy của xe máy điện bên trong có 04 bình ắc quy nhỏ trị giá 500.000 đồng. Nay bà đã nhận lại xe máy điện và bộ bình ắc quy của xe, bà không có yêu cầu gì.

- Bà Trần Thị T trình bày: Khoảng 14 giờ chiều ngày 08/02/2020 bà đi xe đạp điện nhãn hiệu Yamaha 133 đến thôn V, xã T, huyện L để vớt bèo thì bị lấy mất bình ắc quy của xe đạp điện. Nay bà đã nhận lại xe đạp điện và bình ắc quy của xe, bà không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày như sau: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Văn N. Chiếc xe mô tô BKS 98B1-360.43 mà bị cáo dùng để đi trộm cắp là tài sản của chị. Việc bị cáo dùng xe đó đi trộm cắp tài sản chị hoàn toàn không biết. Nay chị đề nghị được xin lại chiếc xe này.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích T chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù T từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 08/02/2020; đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị phải giải quyết.

Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho chị Tạ Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ, biển kiểm soát 98B1-360.43; Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại IteL màu đen, có số Imei 358625103274900 và 160.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 móc cua bằng kim loại, 01 xô nhựa màu đỏ. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, lời khai của người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 08/02/2020, tại địa phận thôn V, xã T, huyện L, bị cáo Nguyễn Văn N đã lén lút trộm cắp bình ắc quy trong xe máy điện và xe đạp điện của bà Trần Thị Nh và bà Trần Thị T, bị cáo bị bắt quả tang, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 700.000 đồng. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và mới chấp hành xong hình phạt tù về tội này lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về T chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy cần phải phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo T giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và đã từng bị kết án tù về tội này nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ Nhà nước. Song xét thấy bị cáo không có nghề ổn định, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo là thể hiện T nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa và để bị cáo yên tâm cải tạo thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nữa về trách nhiệm dân sự nên Tòa miễn xét.

[9] Về vật chứng của vụ án gồm:

Bị cáo bị thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ, biển kiểm soát 98B1-360.43; 01 móc cua bằng kim loại; 01 xô nhựa màu đỏ; 01 chiếc điện thoại ITEL màu đen, có số Imei 358625103274900 và 160.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tạ Thị T là vợ của bị cáo cho rằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ, biển kiểm soát 98B1-360.43 này là của chị. Việc bị cáo dùng xe đó đi trộm cắp tài sản chị hoàn toàn không biết. Qua xác minh thì chiếc xe mô tô này là của chị T, bị cáo cũng không dùng làm phương tiện cho việc phạm tội, cần trả lại cho chị T theo quy định điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 chiếc điện thoại ITEL màu đen, có số Imei 358625103274900 và 160.000 đồng bị cáo không dùng làm phương tiện cho việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 móc cua bằng kim loại và 01 xô nhựa màu đỏ, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị xin lại, xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án theo quy định Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N 07 (bấy)** tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 08/02/2020. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

3. Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Tạ Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ, biển kiểm soát 98B1-360.43;

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại ITEL màu đen, có số Imei 358625103274900 và 160.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu tiêu hủy 01 móc cua bằng kim loại, 01 xô nhựa màu đỏ.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND, Công an huyện L;
- VKSND, Sở TP tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Vũ Thị Thiêm